

b) Đối với những vụ phạm pháp giá trị tang vật lớn và những vụ tái phạm: tịch thu một phần hay toàn bộ số tang vật phạm pháp và những dụng cụ cất giấu số tang vật đó, đồng thời phạt tiền tối đa bằng gấp ba lần tổng giá trị số tang vật phạm pháp.

Trường hợp phạm pháp nghiêm trọng, can phạm có thể bị truy tố trước Tòa án nhân dân nước Việt-nam dân chủ cộng hòa.

**Điều 23.** — Việc xử lý những vụ phạm pháp về quản lý ngoại hối quy định như sau:

a) Đối với những vụ phạm pháp bắt được trong nội địa nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, Ngân hàng Nhà nước Việt-nam dân chủ cộng hòa phụ trách xử lý:

— Trường Chi điểm Ngân hàng Nhà nước xử lý những vụ phạm pháp trị giá tang vật từ 100 đồng trở xuống;

— Trường Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước xử lý những vụ phạm pháp trị giá tang vật từ 101 đồng trở lên.

b) Đối với những vụ phạm pháp bắt được tại các cửa khẩu của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, cơ quan Hải quan phụ trách xử lý, sau khi thống nhất ý kiến với Ngân hàng cung cấp, và theo những thủ tục đã quy định trong điều lệ hải quan của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa.

**Điều 24.** — Sau khi bị xử lý, người phạm pháp có quyền khiếu nại lên cấp trên của cấp đã xử lý. Trong khi chờ đợi giải quyết, những tang vật và dụng cụ cất giấu cần được giữ tại cơ quan xử lý.

Đối với những vụ phạm pháp do Ngân hàng Nhà nước Việt-nam dân chủ cộng hòa xử lý, ông Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt-nam dân chủ cộng hòa có quyền quyết định cuối cùng.

**Điều 25.** — Những cá nhân hay tổ chức có công tố giác, giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm trong việc tìm ra những vụ phạm pháp; có thể được khen thưởng theo chế độ hiện hành của Nhà nước, tùy theo tính chất từng vụ.

*Điều lệ này ban hành kèm theo nghị định số 102 ngày 6-7-1963*

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

PHẠM HÙNG

## **QUYẾT ĐỊNH số 64-TTg về việc phân loại lao động trong các ngành kinh tế quốc dân, về chế độ thống kê lao động tiền lương.**

### **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ nghị định số 27-CP ngày 22 tháng 2 năm 1962 của Hội đồng Chính phủ quy định các nguyên tắc về việc lập và ban hành các biểu mẫu thống kê và phương án điều tra;

Để đáp ứng yêu cầu nắm kịp thời, toàn diện tình hình lao động tiền lương ở các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ và Ủy ban hành chính các khu, tỉnh, thành phố, đồng thời để đảm bảo chế độ thống kê lao động, tiền lương được thống nhất trong các ngành kinh tế quốc dân, các cơ quan Nhà nước và các cơ sở công tư hợp doanh;

Theo đề nghị của ông Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** — Nay phê chuẩn đề Tổng cục Thống kê ban hành bản quy định tạm thời về phân loại lao động trong các ngành kinh tế quốc dân, nội dung bao gồm các mục sau đây:

— Công nhân, viên chức trong danh sách (trong đó chia ra công nhân, viên chức thường xuyên và tạm thời).

— Công nhân, viên chức trong danh sách có đến cuối kỳ báo cáo và số công nhân, viên chức bình quân.

— Phân loại công nhân, viên chức (công nhân, học nghề, nhân viên kỹ thuật, viên chức, tạp vụ, bảo vệ chữa cháy).

— Phân loại và sắp xếp công nhân, viên chức trong từng ngành kinh tế quốc dân riêng biệt ở khu vực sản xuất vật chất như: công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng cơ bản, v.v... và chia ra công nhân viên chức trong sản xuất và ngoài sản xuất.

— Phân loại và sắp xếp công nhân, viên chức trong khu vực không sản xuất vật chất như: quản lý Nhà nước, giáo dục, văn hóa, nghệ thuật, y tế, thể dục thể thao, v.v...

**Điều 2.** — Nay phê chuẩn đề Tổng cục Thống kê ban hành chế độ thống kê lao động tiền lương, nội dung bao gồm các chỉ tiêu sau đây:

— Chỉ tiêu về số lượng công nhân, viên chức.

— Chỉ tiêu về chất lượng công nhân kỹ thuật.

- Chi tiêu về đào tạo công nhân, kỹ thuật.
- Chi tiêu về biến động công nhân, viên chức.
- Chi tiêu về cân đối lao động.
- Chi tiêu về năng suất lao động (bảng tiền và bảng hiện vật).
- Chi tiêu về sử dụng thời gian lao động.
- Chi tiêu về bảo hộ lao động và tai nạn lao động.
- Chi tiêu về sáng kiến, phát minh, cải tiến kỹ thuật.
- Chi tiêu về quỹ tiền lương (bao gồm quỹ lương trong danh sách và quỹ lương ngoài danh sách), lương bình quân và cơ cấu quỹ tiền lương
- Chi tiêu về phúc lợi và bảo hiểm xã hội.

Tổng cục Thống kê, căn cứ vào các chi tiêu nói trên, lập, ban hành các biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ quý, 6 tháng, 9 tháng, cả năm, và tổ chức các cuộc điều tra cần thiết, hoặc phối hợp với các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, các đoàn thể ở trung ương có liên quan tiến hành công tác trên.

*Điều 3.* — Các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, các đoàn thể ở trung ương và Ủy ban hành chính các khu, tỉnh, thành phố có trách nhiệm thi hành đầy đủ chế độ báo cáo theo nội dung và thời gian quy định thống nhất của Tổng cục Thống kê, đề Tổng cục Thống kê tổng hợp báo cáo lên Hội đồng Chính phủ.

Hà-nội, ngày 12 tháng 7 năm 1963

K.T. Thủ tướng Chính phủ

*Phó thủ tướng*

LÊ THANH NGHỊ

**THÔNG TƯ số 65-TTg về việc dành đất  
đề trồng thức ăn cho gia súc, đẩy  
mạnh phát triển chăn nuôi trong  
hợp tác xã sản xuất nông nghiệp  
và gia đình xã viên.**

Kính gửi *Bộ nông nghiệp,  
Ủy ban hành chính các khu  
thành, tỉnh.*

Tiếp theo thông tư số 35-TTg ngày 6 tháng 5 năm 1963 về việc dành đất đề trồng thức ăn cho gia súc, đẩy mạnh phát triển chăn nuôi

trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và gia đình xã viên, Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể thêm như sau :

## I. VỀ 5% ĐẤT DÈ LẠI CHO XÃ VIÊN THEO ĐIỀU LỆ MẪU CỦA HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Nói chung, các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp cần dè lại cho xã viên 5% ruộng đất đúng như điều lệ mẫu của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã quy định, nhưng dè khỏi đảo lộn nhiều những hợp tác xã nào hiện nay đã dè gần đủ hoặc quá một ít thì cũng không phải dè thêm hoặc rút bớt. Riêng những nơi đã dè dưới 4% hoặc trên 6% thì phải kiên quyết sửa lại cho đúng. Việc dè lại ruộng đất cho xã viên sẽ căn cứ vào số nhân khẩu lúc vào hợp tác xã, chứ không căn cứ vào số nhân khẩu hiện nay. Phần ruộng đất này thuộc sở hữu của xã viên, xã viên được tự sử dụng, nhưng hợp tác xã cần vận động xã viên dành phần lớn để trồng rau, màu chăn nuôi lợn.

## II. VỀ 5% ĐẤT DÀNH THÊM CHO CHĂN NUÔI

Ngoài 5% đất dè lại cho xã viên theo điều lệ mẫu của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp kê trên, hợp tác xã được dành thêm 5% nữa làm cơ sở thức ăn vững chắc cho gia súc, phát triển chăn nuôi, tăng cường kinh tế hợp tác xã. Số đất này quy định cụ thể như sau :

1. Số 5% ruộng đất dành thêm cho chăn nuôi là tính theo tổng số diện tích ruộng đất canh tác của hợp tác xã, không tính theo diện tích canh tác của xã. Nói chung, số 5% ruộng đất dè thêm này cộng với 5% dè lại cho xã viên theo điều lệ mẫu của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp là không quá 10% diện tích canh tác, nhưng những nơi bình quân ruộng đất theo đầu người cao hoặc còn nhiều đất hoang hóa có thể khai vỡ thêm được có thể dè ít hơn, trái lại những nơi bình quân ruộng đất theo đầu người quá thấp, vùng ngoại ô thành phố, khu công nghiệp lớn thì nên dè nhiều hơn một ít. Số đất dành thêm chính là để chăn nuôi lợn, nhưng những nơi nào trâu bò thiếu thức ăn cũng có thể dành một ít cho trâu bò.

2. Số 5% ruộng đất dành thêm là thuộc sở hữu của hợp tác xã, hợp tác xã cần tận dụng để phát triển mạnh chăn nuôi tập thể. Nhưng trong điều kiện hiện nay chăn nuôi tập thể chưa phát triển, nên chưa sử dụng hết đất, một mặt hợp tác xã tạm thời dành một phần